

Số: ¹⁰⁶⁸/QĐ-CDKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phần thưởng khuyến khích học tập đối với sinh viên
trình độ Cao đẳng chính quy Học kỳ II Năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết luận của Hội đồng theo biên bản họp Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với Học sinh, sinh viên trình độ cao đẳng hình thức chính quy Học kỳ II năm học 2021-2022 của Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 10 năm 2022

Căn cứ Tờ trình số 41/TTr-CTHSSV ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc đề xuất phần thưởng khuyến khích học tập cho Học sinh – Sinh viên Học kỳ 2 Năm học 2021 - 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phần thưởng khuyến khích học tập Học kỳ II Năm học 2021-2022 đối với 442 sinh viên khóa 15, 16, 17 trình độ Cao đẳng hình thức chính quy (danh sách đính kèm).

Điều 2. Mức phần thưởng chi theo Tờ trình số 41/TTr-CTHSSV ngày 12 tháng 10 năm 2022 .

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng các đơn vị có liên quan, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, phòng Kế hoạch - Tài chính, khoa Kế toán - Kiểm toán, khoa Quản trị - Kinh doanh, khoa Tài chính - Ngân hàng, khoa Ngoại ngữ, khoa Khoa học xã hội và Quản lý công nghiệp, Khoa Công nghệ thông tin và Sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, CTHSSV



HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

**DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN NHẬN PHẦN THƯỞNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

(Đính kèm quyết định số: ¹⁰⁶⁸/QĐ-CDKT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
		I. XẾP LOẠI XUẤT SẮC							176.000.000	
1	1	19631366	Danh	Áo	15CKT10	15	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
2	2	19631344	Ngô Thu	Sương	15CKT09	15	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
3	3	19631480	Võ Thị Thùy	Nhàn	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
4	4	19631510	Ngô Thị Như	Ý	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
5	5	19631209	Đỗ Ngọc Kim	Yến	15CKT06	15	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
6	6	19631486	Hồ Thị Thu	Thủy	15CKT09	15	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	
7	7	19631040	Trần Lê Ngọc	Quỳnh	15CKT04	15	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
8	8	19634017	Nguyễn Thị Thu	Trang	15CAD01	15	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	2.000.000	
9	9	19634023	Nguyễn Huỳnh Trúc	Vy	15CAD01	15	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	2.000.000	
10	10	19634019	Nguyễn Thùy Mẫn	Anh	15CAD01	15	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	2.000.000	
11	11	19613122	Bùi Thị Phương	Thúy	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
12	12	19613045	Trương Tường	Vy	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
13	13	19613139	Phan Thị Thùy	Trình	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
14	14	19613234	Bùi Duy	Tân	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
15	15	19613254	Phạm Thị Hoàng	Yến	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
16	16	19613294	Đào Lệ	Hương	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
17	17	19613278	Trương Nguyễn Như	Thường	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
18	18	19613165	Trà Ngọc	Đức	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
19	19	19613208	Phan Thị Thu	Lập	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
20	20	19613221	Đặng Thụy Trúc	Linh	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
21	21	19613230	Lê Triều	Mến	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
22	22	19613225	Lê Diễm	My	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
23	23	19613209	Đào Thị Hồng	Ngọc	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
24	24	19613248	Nguyễn Thị Mỹ	Nhuận	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
25	25	19613217	Phạm Thị Kim	Phượng	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
26	26	19613185	Nghiêm Thị Như	Quỳnh	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
27	27	19613270	Trần Thanh	Mai	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
28	28	19613302	Nguyễn Như	Ngọc	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
29	29	19613265	Trần Thị Thủy	Ngư	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
30	30	19613259	Nguyễn Tường	Phúc	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
31	31	19613293	Nguyễn Thị Mỹ	Quên	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
32	32	19613291	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
33	33	19613297	Bùi Thị Thu	Thảo	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
34	34	19613298	Phạm Nguyễn Anh	Thư	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
35	35	19613262	Nguyễn Thị	Trình	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
36	36	19641725	Lư Thạch Bảo	Khánh	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
37	37	19641749	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
38	38	19641765	Hồ Gia	Huy	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
39	39	19641786	Nguyễn Thị Phương	Nam	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
40	40	19641774	Hồ Kim	Ngân	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
41	41	19641777	Lê Thị	Viễn	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
42	42	19641788	Bùi Thị Như	Ý	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
43	43	19641858	Phan Cẩm	Tú	15CQT22	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
44	44	19641343	Lê Thị Thu	Hiền	15CQT09	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
45	45	19641542	Phạm Văn	Tân	15CQT14	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
46	46	19641658	Lê Văn	Thùy	15CQT17	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
47	47	19641801	Trần Thị	Nhuân	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
48	48	19641846	Trần Minh	Nguyên	15CQT22	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	2.000.000	
49	49	19635177	Nguyễn Ngọc	Minh	15CFB02	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
50	50	19635121	Trần Đặng Trúc	Mai	15CFB01	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
51	51	19635176	Nguyễn Dương Hoàng	Kha	15CFB02	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	2.000.000	
52	52	19621239	Trần Thị Thanh	Tuyền	15CTA06	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
53	53	19621031	Phan Thị Hồng	Hạnh	15CTA01	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
54	54	19621017	Huỳnh Ngọc Thuỳ	Linh	15CTA01	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
55	55	19621016	Ngô Quỳnh	Nguyên	15CTA01	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
56	56	19621012	Phạm Trần Thanh	Trúc	15CTA01	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
57	57	19621046	Lê Thị	Hậu	15CTA02	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
58	58	19621074	Nguyễn Võ Quang	Minh	15CTA02	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
59	59	19621128	Nguyễn Thị Thu	Huế	15CTA04	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
60	60	19621155	Nguyễn Huỳnh Tú	Nhiên	15CTA04	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
61	61	19621172	Đặng Thiên	Tuệ	15CTA05	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
62	62	19621027	Nguyễn Thị Kiều	Trang	15CTA01	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
63	63	19621119	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	15CTA03	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
64	64	19621101	Nguyễn Trần Tố	Viên	15CTA03	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
65	65	19621158	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15CTA04	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
66	66	19621156	Võ Thanh	Tuyền	15CTA04	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
67	67	19621235	Dương Hoàng	Bảo	15CTA06	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
68	68	19621227	Hoàng Chí	Hiệp	15CTA06	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
69	69	19621274	Nguyễn Lê Minh	Anh	15CTA07	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
70	70	19621255	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	15CTA07	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
71	71	19621241	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	15CTA07	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
72	72	19621001	Nguyễn Ngọc Thanh	Diệu	15CTA01	15	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
73	73	20662001	Phan Nhật	Tân	16CSI01	16	Công nghệ thông tin-Ứng dụng phần mềm (CSI)	Xuất sắc	2.000.000	
74	74	20613134	Trần Ngọc Bảo	Vy	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
75	75	20613165	Dương Thị Kim	Ngọc	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
76	76	20613101	Huỳnh Thanh	Hải	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
77	77	20613148	Phạm Thị Tường	Vi	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	2.000.000	
78	78	20621036	Nguyễn Ngọc Duy	Anh	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
79	79	20621053	Lâm Quốc	Hiệp	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
80	80	20621048	Võ Thị Như	Quỳnh	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
81	81	20621022	Diệp Thanh	Thanh	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
82	82	20621154	Giang Mỹ	Mi	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
83	83	20621107	Đàm Hoàng	Phúc	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
84	84	20621046	Lê	Huy	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
85	85	20621186	Nguyễn Trần Phước	Vi	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
86	86	20621246	Đoàn Ngọc Tuyết	Nhi	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
87	87	20621185	Huỳnh Như	Hào	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
88	88	20621037	Lưu Ngọc	Thanh	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Xuất sắc	2.000.000	
		II. XẾP LOẠI GIỎI							354.000.000	
89	1	19661005	Mai Thái	Học	15CIT01	15	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
90	2	19661014	Phạm Hoàng	Thành	15CIT01	15	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
91	3	19661041	Nguyễn Thị Kim	Thoa	15CIT01	15	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
92	4	19661026	Phùng Khắc	Huỳnh	15CIT01	15	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
93	5	19671007	Trần Thị Kim	Tuyến	15CTX01	15	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
94	6	19671003	Nguyễn Thị	Vinh	15CTX01	15	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
95	7	19671012	Phan Hữu	Minh	15CTX01	15	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
96	8	19671010	Nguyễn Thị	Xin	15CTX01	15	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
97	9	19681069	Tăng Thùy	Tường	15CDL02	15	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
98	10	19681042	Ngô Ái	Nhi	15CDL02	15	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
99	11	19681065	Cao Khánh	Thy	15CDL02	15	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
100	12	19681018	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	15CDL01	15	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
101	13	19681017	Lê Nguyễn Tường	Vy	15CDL01	15	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
102	14	19681016	Võ Thị Phúc	Vân	15CDL01	15	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
103	15	19631187	Vũ Thị Quỳnh	Như	15CKT05	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
104	16	19631460	Nguyễn Thị Huyền	Trân	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
105	17	19631251	Hồ Thị Yến	Nhi	15CKT07	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
106	18	19631046	Nguyễn Ngọc	Thảo	15CKT04	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
107	19	19691322	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	15AKT02	15	Kế toán chất lượng cao (AKT)	Giỏi	1.000.000	
108	20	19631193	Đào Nguyễn Ngọc	Hà	15CKT05	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
109	21	19631201	Huỳnh Thị Quế	Trân	15CKT06	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
110	22	19631475	Nguyễn Thị	Hiếu	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
111	23	19631341	Võ Thái	Hiền	15CKT09	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
112	24	19631523	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	15CKT01	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
113	25	19631036	Trần Thị Thanh	Tuyền	15CKT01	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
114	26	19631156	Đặng Thị Cẩm	Viên	15CKT01	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
115	27	19631101	Lê Thị Như	Thảo	15CKT02	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
116	28	19631130	Biện Thị Tuyết	Giang	15CKT03	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
117	29	19631139	Đỗ Thị Mỹ	Duy	15CKT04	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
118	30	19631463	Trương Thị	Ngọc	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
119	31	19631007	Bành Mỹ	Phương	15CKT01	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
120	32	19631069	Lê Quỳnh	Giao	15CKT02	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
121	33	19631087	Phạm Thị Mỹ	Phượng	15CKT02	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
122	34	19631149	Trương Văn	Hào	15CKT05	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
123	35	19631484	Nguyễn Thúy	Hoài	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
124	36	19631501	Danh Ngọc	Lợi	15CKT02	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
125	37	19631412	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	15CKT11	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
126	38	19631190	Lý Thị Kim	Quỳnh	15CKT05	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
127	39	19631483	Ngô Ngọc	Anh	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
128	40	19631487	Nguyễn Thị Thảo	Mi	15CKT03	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
129	41	19631106	Trần Thanh	Thủy	15CKT03	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
130	42	19631045	Bùi Thị Hoài	An	15CKT04	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
131	43	19691299	Hồng Kim	Phương	15AKT01	15	Kế toán chất lượng cao (AKT)	Giỏi	1.000.000	
132	44	19631150	Vũ Hoàng Diệu	Thu	15CKT05	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
133	45	19631092	Nguyễn Mai	Linh	15CKT02	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
134	46	19631169	Phạm Thị	Bích	15CKT03	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
135	47	19631464	Trần Kim	Chi	15CKT12	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
136	48	19631365	Văn Thị Thảo	Nguyên	15CKT10	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
137	49	19631079	Trần Ngọc Tuyết	Ngân	15CKT02	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
138	50	19631075	Lương Nguyễn Thị Thảo	Hiền	15CKT02	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
139	51	19691300	Phạm Thị Bích	Hợp	15AKT01	15	Kế toán chất lượng cao (AKT)	Giỏi	1.000.000	
140	52	19631241	Nguyễn Trịnh Thị Linh	Vi	15CKT07	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
141	53	19631403	Phạm Trường	An	15CKT11	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
142	54	19631291	Nguyễn Trà Uyển	My	15CKT08	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
143	55	19691286	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	15AKT01	15	Kế toán chất lượng cao (AKT)	Giỏi	1.000.000	
144	56	19631002	Chu Phạm Ái	Liên	15CKT03	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
145	57	19631044	Nguyễn Lê Anh	Thư	15CKT04	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
146	58	19631102	Bành Ngọc	Mỹ	15CKT03	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
147	59	19631115	Trần Thị Huyền	Trân	15CKT03	15	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
148	60	19634020	Trần Thuý	Vy	15CAD01	15	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
149	61	19634014	Trương Thị Hồng	Nhung	15CAD01	15	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
150	62	19611097	Bùi Thị Diệu	Hà	15CKD01	15	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
151	63	19613021	Nguyễn Hữu	Nghĩa	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
152	64	19613066	Nguyễn Trần	Tiến	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
153	65	19613043	Ngô Thị Huyền	Trân	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
154	66	19613015	Hồ Thị Kim	Xuyến	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
155	67	19613065	Phan Trần Thị Thu	Thảo	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
156	68	19613125	Nguyễn Quỳnh	Hương	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
157	69	19613057	Phan Thị Minh	Ngọc	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
158	70	19613054	Huỳnh Hoàng	Oanh	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
159	71	19613152	Huỳnh Minh	Quân	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
160	72	19613204	Trần Xuân	Hùng	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
161	73	19613194	Lê Hoàng Tuyết	My	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
162	74	19613257	Mạc Quốc	Hùng	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
163	75	19613024	Phạm Vũ Như	Thùy	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
164	76	19613029	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
165	77	19613091	Nguyễn Thị Hồng	Vy	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
166	78	19613095	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
167	79	19613109	Nguyễn Kiều	Như	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
168	80	19613014	Nguyễn Trương Nhật	Ánh	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
169	81	19613017	Lê Bội	Hân	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
170	82	19613002	Lê Hoàng	Thô	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
171	83	19613072	Phan Thị Thanh	Dương	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
172	84	19613137	Lưu Ngọc	Hiếu	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
173	85	19613158	Phạm Mỹ	Huy	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
174	86	19613126	Võ Thị Kim	Quyên	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
175	87	19613183	Đinh Thị Thanh	Nga	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
176	88	19613205	Nguyễn Thị Vân	Nghi	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
177	89	19613162	Lê Thị Quỳnh	Như	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
178	90	19613264	Trần Thị Kim	Chía	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
179	91	19613301	Phạm Thị Ánh	Xuân	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
180	92	19613110	Lê Thị Thanh	Thảo	15CLG02	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
181	93	19613296	Trần Thị Thu	Thảo	15CLG04	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
182	94	19613219	Nguyễn Thị Anh	Thư	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
183	95	19613193	Nguyễn Thị	Thủy	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
184	96	19613052	Trần Thị Mỹ	Tú	15CLG01	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
185	97	19613174	Phù A	Thịnh	15CLG03	15	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
186	98	19651005	Trần Thị	Dung	15CIM01	15	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
187	99	19651127	Trương Thị	Trang	15CIM01	15	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
188	100	19651004	Thới Thị Kim	Yến	15CIM01	15	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
189	101	19651002	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	15CIM01	15	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
190	102	19641847	Đinh Thị Hoàng	Anh	15CQT22	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
191	103	19641483	Nguyễn Thị Khánh	Vy	15CQT13	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
192	104	19641701	Huỳnh Thanh	Ngân	15CQT18	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
193	105	19641768	Nguyễn Tiến	Minh	15CQT17	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
194	106	19641703	Nguyễn Ngọc Thanh	Thúy	15CQT18	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
195	107	19641391	Nguyễn Thị Như	Ý	15CQT10	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
196	108	19641751	Phạm Thanh	Hà	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
197	109	19641731	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
198	110	19641366	Phạm Bảo	Yến	15CQT10	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
199	111	19641565	Phạm Tiến	Sang	15CQT15	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
200	112	19641722	Đinh Thị Thanh	Xuân	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
201	113	19641773	Trần Thị Phương	Uyên	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
202	114	19641351	Đặng Vinh	Quang	15CQT09	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
203	115	19641119	Lâm Tâm	Như	15CQT07	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
204	116	19641291	Tiền Tổ	Nguyên	15CQT05	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
205	117	19641338	Phạm Đỗ Thanh	Xuân	15CQT09	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
206	118	19641808	Võ Thị Thuý	Dương	15CQT21	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
207	119	19641842	Dương Ngọc	Thanh	15CQT21	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
208	120	19641803	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
209	121	19641124	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15CQT07	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
210	122	19641739	Trương Lê Minh	Nghĩa	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
211	123	19641789	Đào Thị Huyền	Phương	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
212	124	19641680	Vũ Đức	Nam	15CQT17	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
213	125	19641762	Giang Tiểu	Dy	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
214	126	19641728	Trương Bảo	Hân	15CQT19	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
215	127	19641835	Phan Duy	Linh	15CQT21	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
216	128	19641770	Nguyễn Thủy	Tiên	15CQT20	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
217	129	19641126	Mai Thanh	Thảo	15CQT07	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
218	130	19641332	Lê Thị Kim	Ngân	15CQT09	15	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
219	131	19635249	Phạm Huỳnh Mỹ	Tú	15CFB02	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
220	132	19635291	Trần Ngọc Bích	Trâm	15CFB02	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
221	133	19635040	Võ Thị Kim	Ngân	15CFB01	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
222	134	19635098	Phạm Hữu	Thiện	15CFB01	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
223	135	19635053	Nguyễn Ngọc	Trâm	15CFB01	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
224	136	19635211	Nguyễn Hoàng Nhật	Vy	15CFB02	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
225	137	19635062	Nguyễn Minh	Thy	15CFB01	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
226	138	19635069	Phạm Thị Ngọc	Anh	15CFB01	15	Tài chính ngân hàng (CFB)	Giỏi	1.000.000	
227	139	19621168	Trần Thị	Diệu	15CTA05	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
228	140	19621165	Nguyễn Thị	Ngân	15CTA05	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
229	141	19621180	My Thị	Phương	15CTA05	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
230	142	19621166	Trần Thị Tường	Vy	15CTA05	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
231	143	19621216	Võ Thị Phương	Thảo	15CTA06	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
232	144	19621112	Phạm Thị Kiều	Ngân	15CTA03	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
233	145	19621075	Nguyễn Ngọc	Ngân	15CTA03	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
234	146	19621110	Trần Lê Ngọc	Sang	15CTA03	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
235	147	19621134	Lê Thị Quế	Hân	15CTA04	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
236	148	19621025	Mai Thị Thuý	Trang	15CTA01	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
237	149	19621120	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	15CTA03	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
238	150	19621277	Phạm Thị	Khoa	15CTA07	15	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
239	151	20661006	Nguyễn Hoàng Đức	Thắng	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
240	152	20662002	Ngô Quang	Hậu	16CSI01	16	Công nghệ thông tin-Ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.000.000	
241	153	20661040	Trần Văn	Trí	16CSI01	16	Công nghệ thông tin-Ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.000.000	
242	154	20661009	Nguyễn Trọng	Nghĩa	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.000.000	
243	155	20671003	Lê Thị Bích	Trâm	16CTX01	16	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
244	156	20671005	Trần Thị Phương	Thảo	16CTX01	16	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
245	157	20671007	Nguyễn Thị Ngọc	Quyền	16CTX01	16	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
246	158	20671012	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	16CTX01	16	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
247	159	20681034	Nguyễn Vũ Thùy	Duyên	16CDL01	16	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.000.000	
248	160	20631536	Nguyễn Kim Thuỷ	Ngân	16CKT02	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
249	161	20631247	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	16CKT04	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
250	162	20631410	Dương Thị Bích	Vân	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
251	163	20631448	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
252	164	20631514	Phạm Thị	Hường	16CKT02	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
253	165	20631168	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16CKT03	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
254	166	20631430	Phan Nguyễn Minh	Châu	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
255	167	20631088	Phạm Trần Quỳnh	Như	16CKT02	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
256	168	20631518	Lương Thị Mỹ	Hằng	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
257	169	20631021	Bùi Thị Kim	Thoa	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
258	170	20631109	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	16CKT02	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
259	171	20631052	Nguyễn Bảo	Đạt	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
260	172	20631312	Lê Thảo	Nguyên	16CKT04	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
261	173	20631475	Nguyễn Ngọc Hồng	Như	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
262	174	20631461	Mai Hoàng Thảo	Nhi	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
263	175	20631347	Đặng Thị Thúy	Nguyên	16CKT05	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
264	176	20631419	Lê Lâm Thảo	Trúc	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
265	177	20631462	Nguyễn Thị Hương	Lan	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
266	178	20631473	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
267	179	20631036	Đào Thanh	Huyền	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	1.000.000	
268	180	20634015	Huỳnh Ngọc	Mai	16CAD01	16	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	1.000.000	
269	181	20611014	Nguyễn Thanh	Ngân	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
270	182	20611013	Phan Thị Ngọc	Lan	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
271	183	20611122	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
272	184	20611194	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
273	185	20611024	Bùi Thị Quỳnh	Như	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
274	186	20611111	Lê Công	Hậu	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
275	187	20611140	Lê Thị Hải	Yến	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
276	188	20611126	Trương Thị Quỳnh	Trang	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
277	189	20611102	Nguyễn Bích	Tuyền	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
278	190	20611064	Nguyễn Thị Thảo	Vy	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
279	191	20611162	Hoàng Thị Kim	Ánh	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
280	192	20611077	Phạm Thị Kim	Huệ	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
281	193	20611145	Lưu Minh Quỳnh	Lộc	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
282	194	20611017	Trần Mỹ	Dung	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
283	195	20611185	Trần Quỳnh	Mai	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
284	196	20611008	Phạm Thúy	Duy	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
285	197	20611115	Nguyễn Thị	Thiết	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
286	198	20611136	Thái Lâm Cẩm	Ngọc	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
287	199	20611161	Dương Anh	Thư	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
288	200	20611020	Tổng Diễm	My	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
289	201	20611053	Cao Thị Thiên	Trang	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
290	202	20611028	Lê Hồ Hải	Yến	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
291	203	20611074	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
292	204	20611167	Trương Cẩm	Nhân	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
293	205	20611183	Trần Nguyễn Minh	Thơ	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
294	206	20611180	Võ Thị Diễm	Sương	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
295	207	20612080	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
296	208	20612075	Đinh Thạch Ngọc	Trâm	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
297	209	20612010	Trần Thị	Gấm	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
298	210	20612132	Lê Thị Hồng Huỳnh	Như	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
299	211	20612134	Hà Thị Thu	Thuận	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
300	212	20612053	Nguyễn Ngọc	Hân	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
301	213	20612109	TRẦN THỊ DIỄM	CHI	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
302	214	20612007	Trần Thị Diễm	Kiều	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
303	215	20612023	Hồ Thị Giang	Kim	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
304	216	20612106	Lê Thị Thùy	Dung	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
305	217	20612122	Ngô Hoài Ý	Như	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
306	218	20612153	Lê Thị	Vui	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
307	219	20612138	Nguyễn Thị Thu	Trang	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
308	220	20612144	Ninh Thị Minh	Lộc	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
309	221	20612031	Trần Giang Hoàng	Nhi	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
310	222	20613012	Lê Thị Mai	Xuân	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
311	223	20613035	Phùng Nguyễn Thiên	Hợp	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
312	224	20613005	Nguyễn Ngọc Ý	Duyên	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
313	225	20613046	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
314	226	20613102	Đinh Ngọc Mỹ	Duyên	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
315	227	20613030	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
316	228	20613032	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
317	229	20613076	Đặng Thanh	Vy	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
318	230	20613127	Huỳnh Ngọc	Quang	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
319	231	20613092	Lưu Thị Kim	Dung	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
320	232	20613031	Nguyễn Thị Đăng	Khuê	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
321	233	20613164	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
322	234	20613146	Phạm Vũ Tường	Vi	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
323	235	20613073	Nguyễn Thị Trúc	Ly	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
324	236	20613049	Chung Thực	Nhi	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
325	237	20613132	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
326	238	20613043	Nguyễn Hoàng Phương	Quyên	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
327	239	20613001	Nguyễn Thanh	Nam	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
328	240	20613090	Lê Thành	Mẫn	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
329	241	20613161	Đặng Thị	Nhàn	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
330	242	20613048	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
331	243	20613159	Lê Hoàng Thu	Sương	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
332	244	20613082	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
333	245	20613007	Chương Y	Long	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
334	246	20613107	Trần Gia	Huy	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
335	247	20613019	Nguyễn Hồng	Khương	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
336	248	20613023	Hoàng Thị Như	Quỳnh	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
337	249	20613010	Lê Ngọc	Hân	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
338	250	20613057	Nguyễn Thị	Thúy	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
339	251	20613094	Nguyễn Tấn	Tài	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
340	252	20613033	Võ Thị Ngọc	Hân	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	1.000.000	
341	253	20651004	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
342	254	20651002	Lê Thị Minh	Yên	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
343	255	20651012	Bùi Nguyễn Ngọc	Giàu	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
344	256	20651003	Đàm Thị Kim	Thi	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
345	257	20682003	Tô Chí	Phước	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
346	258	20682016	Đào Thị Tố	Uyên	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
347	259	20682059	Trịnh Thị	Lý	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
348	260	20682079	Lưu Thảo	Vy	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.000.000	
349	261	20641795	Trần Bảo	Khanh	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
350	262	20641044	Võ Xuân	Trường	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
351	263	20641015	Phạm Minh	Thiện	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
352	264	20641722	Ngô Thị Tuyết	Nhung	16CQT09	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
353	265	20641818	Phạm Thụy Minh	Hiếu	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
354	266	20641843	Phạm Ngọc Thảo	Vi	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
355	267	20641726	Nguyễn Hồng	Anh	16CQT06	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
356	268	20641154	Phạm Thị Bích	Thảo	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
357	269	20641129	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
358	270	20641209	Trần Thị	Lan	16CQT03	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
359	271	20641333	Trần Nhật Lan	Anh	16CQT05	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
360	272	20641071	Lê Anh	Thư	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
361	273	20641085	Nguyễn Thị Huệ	Như	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
362	274	20641222	Tô Thị Thùy	Linh	16CQT03	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
363	275	20641386	Võ Nguyễn Chung	Hậu	16CQT05	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
364	276	20641623	Nguyễn Trong	Trắng	16CQT08	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
365	277	20641739	Nguyễn Thị Ánh	Đào	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
366	278	20641389	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	16CQT05	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
367	279	20641190	Lê Thị Huỳnh	Như	16CQT03	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
368	280	20641068	Ngô Quang	Duy	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
369	281	20641118	Lê Thanh	Triệu	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
370	282	20641301	Lê Ngọc	Thanh	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
371	283	20641410	Phạm Hoài	Son	16CQT06	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
372	284	20641114	Nguyễn Thị Bích	Thi	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
373	285	20641632	Võ Thị	Diễm	16CQT08	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
374	286	20641640	Thạch Thị	Ngọt	16CQT08	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
375	287	20641088	Trần Thị Kim	Cương	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
376	288	20641041	Chu Văn	Hậu	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
377	289	20641377	Liêu Yến	Quỳnh	16CQT05	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
378	290	20641470	Nguyễn Thị Thuý	Trang	16CQT06	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
379	291	20641050	Lưu Kim	Phụng	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
380	292	20641875	Nguyễn Thị Kim	Thuý	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
381	293	20641691	Võ Ngọc	Trâm	16CQT09	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
382	294	20641780	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
383	295	20641401	Phạm Thị Trúc	Hương	16CQT06	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
384	296	20641278	Trương Phương	Quỳnh	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	1.000.000	
385	297	20621223	Võ Từ Ánh	Nhật	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
386	298	20621222	Võ Từ Ánh	Nguyệt	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
387	299	20621083	Nguyễn Thị Thúy	Vy	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
388	300	20621216	Lê Hồng	Nhung	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
389	301	20621002	Phạm Thị Ngọc	Như	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
390	302	20621095	Lê Công	Phú	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
391	303	20621249	Nguyễn Thị Ngọc	Hoan	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
392	304	20621194	Nguyễn Thị Mai	Thi	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
393	305	20621093	Phạm Văn	Tĩnh	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
394	306	20621247	Trương Thị	Vàng	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

THÀNH
G
HỆ
HINH
HIV

th

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
395	307	20621241	Nguyễn Ngọc Phương	Ngân	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
396	308	20621258	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
397	309	20621057	Hồ Phương	Nghi	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
398	310	20621120	Quách Thị Ngọc	Mai	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
399	311	20621131	Dương Thị Kim	Phượng	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
400	312	20621252	Nguyễn Hoàng	Long	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
401	313	20621088	Nguyễn Trọng	Phát	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
402	314	20621024	Ngô Kim	Hoàng	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
403	315	20621060	Trương Toại	Thiên	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
404	316	20621141	Lê Thị Kim	Ngân	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
405	317	20621209	Đặng Thị Thảo	Ngân	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
406	318	20621200	Tô Ái	My	16CTA03	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
407	319	20621139	Thông Thị Thái	Trân	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
408	320	20621006	Bùi Phạm Tường	My	16CTA01	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
409	321	20621244	Phan Thị Thanh	Nhã	16CTA02	16	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
410	322	20622004	Phạm Thị Thảo	Nguyên	16CKR01	16	Tiếng Hàn (CKR)	Giỏi	1.000.000	
411	323	20622039	Tô Thị Quế	Anh	16CKR01	16	Tiếng Hàn (CKR)	Giỏi	1.000.000	
412	324	20622009	Bùi Thị Ánh	Tuyết	16CKR01	16	Tiếng Hàn (CKR)	Giỏi	1.000.000	
413	325	20622029	Cao Lâm Ánh	Xuân	16CKR01	16	Tiếng Hàn (CKR)	Giỏi	1.000.000	
414	326	20622033	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	16CKR01	16	Tiếng Hàn (CKR)	Giỏi	1.000.000	
415	327	21671001	Nguyễn Thanh	Vy	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	1.000.000	
416	328	21611144	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17CKD05	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	1.000.000	
417	329	21612158	Võ Trần Hoàng	Yến	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
418	330	21612028	Nguyễn Ngọc Xuân	Như	17CXN01	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
419	331	21612136	Nguyễn Quốc	Huy	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
420	332	21612124	Lê Thị Thanh	Nhi	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	



26

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
421	333	21612065	Bùi Thanh	Tú	17CXN03	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
422	334	21612149	Trần Ngọc	Thùy	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
423	335	21612225	Hà Thuý	Vân	17CXN08	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
424	336	21612170	Trần Đặng Quốc	Lộc	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
425	337	21612106	Trần Mỹ	Duyên	17CXN04	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
426	338	21612231	Nguyễn Trí	Thanh	17CXN08	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
427	339	21612013	Huỳnh Thị Tường	Vy	17CXN01	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
428	340	21612033	Nguyễn Thị	Trang	17CXN02	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
429	341	21612115	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	17CXN04	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
430	342	21612108	Nguyễn Hồng Trường	Thịnh	17CXN04	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
431	343	21612144	Phạm Vũ Phương	Lan	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	1.000.000	
432	344	21651003	Lê Uyển	Trinh	17CIM01	17	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	1.000.000	
433	345	21621218	Đỗ Minh	Đăng	17CTA08	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi phần thưởng	Ký nhận
434	346	21621199	Nguyễn Khánh	Linh	17CTA07	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
435	347	21621164	Phạm Thị Thanh	Trúc	17CTA06	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
436	348	21621067	Lâm Thuý	Trang	17CTA03	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
437	349	21621132	Trần Ngọc Thanh	Thảo	17CTA05	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
438	350	21621188	Nguyễn Nghi Thanh	Huyền	17CTA07	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
439	351	21621158	Ngô Thanh	Hân	17CTA06	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
440	352	21621219	Võ An Phương	Thảo	17CTA08	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
441	353	21621234	Đặng Tấn	Tùng	17CTA08	17	Tiếng Anh (CTA)	Giỏi	1.000.000	
442	354	21622006	Phạm Thị Huyền	Thanh	17CKR01	17	Tiếng Hàn (CKR)	Giỏi	1.000.000	
Tổng cộng									530.000.000	
Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi triệu đồng chẵn./.										

